

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Công văn số 1086/TTg-QHĐP ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đoàn công tác của các Thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo như sau:

Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực: Nhiều chỉ tiêu đã đạt và vượt⁽¹⁾ kế hoạch năm; thu ngân sách, tăng trưởng tín dụng, phát triển doanh nghiệp, HTX, giải ngân vốn đầu tư công, sản lượng nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ; tổ chức thành công sự kiện tổng kết Dự án SME Trà Vinh và kỷ niệm 22 năm quan hệ hợp tác Trà Vinh – Canada, Lễ hội Ok Om Bok gắn với Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam Bộ với nhiều hoạt động phong phú, ý nghĩa thiết thực; tổ chức Lễ kỷ niệm và các hoạt động chào mừng 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 gắn với thăm hỏi, động viên các Nhà giáo ưu tú, tiêu biểu, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp của ngành giáo dục tỉnh nhà; các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, công tác giảm nghèo, chăm lo đời sống nhân dân, đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả quan trọng.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng, xuất nhập khẩu

1.1 Tình hình sản xuất kinh doanh

Thu hoạch 13.178 ha lúa Hè Thu và Thu Đông⁽²⁾, xuống giống 220 ha lúa Thu Đông; lũy kế đến nay, tổng diện tích lúa đã gieo sạ 203.364 ha, đạt 100,96% kế hoạch; thu hoạch 138.876 ha, chiếm 68,29% diện tích xuống giống, năng suất bình quân 5,6 tấn/ha, sản lượng 776.724 tấn, đạt 71,04% kế hoạch⁽³⁾. Gieo trồng 4.264 ha cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác; lũy kế đầu năm đến nay gieo trồng 52.726 ha⁽⁴⁾, đạt 100,27% kế hoạch; thu hoạch 44.035 ha với tổng sản lượng 1.128.930 tấn, đạt 80,69% kế hoạch⁽⁵⁾. Tổng diện tích nuôi thủy sản trong tháng đạt 1.270 ha, lũy kế 11 tháng thả nuôi 60.248 ha, đạt 115,64% kế hoạch⁽⁶⁾; diện tích thả nuôi một số con nuôi chủ lực đạt khá như: Nuôi tôm sú 24.384 ha, đạt 125,05% kế hoạch; nuôi tôm thẻ chân trắng 7.250 ha (trong đó có 1.073 ha nuôi thâm canh mật độ cao), đạt 87,35% kế hoạch; nuôi cua biển 23.106 ha, đạt 115,53%

¹ Thành lập mới doanh nghiệp, HTX, tỷ lệ hộ sử dụng điện, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, giảm nghèo, diện tích trồng lúa, thả nuôi thủy sản, đàn gia súc...

² Vụ Hè Thu mất trắng 19 ha do mưa liên tục khi lúa mới xuống giống tại ấp 12 xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải

³ Tăng 4,12% so cùng kỳ năm 2022, giảm 1,34% so cùng kỳ năm 2021, tăng 29,49% so cùng kỳ năm 2020

⁴ Trong đó: Màu lương thực 6.098 ha (vượt 2,15% kế hoạch); cây thực phẩm 29.864 ha (đạt 91,68% kế hoạch); cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 16.764 ha (vượt 19,40% kế hoạch).

⁵ Giảm 9,36% so cùng kỳ năm 2022, tăng 3,30% so cùng kỳ năm 2021, tăng 0,39% so cùng kỳ năm 2020

⁶ Tăng 2,14% so cùng kỳ năm 2022, tăng 8,26% so cùng kỳ năm 2021, giảm 0,85% so cùng kỳ năm 2020

kế hoạch; nuôi tôm càng xanh 2.539 ha, đạt 69,28% kế hoạch. Tổng sản lượng thủy hải sản trong tháng 15.334 tấn, lũy kế 11 tháng đạt 219.670, đạt 89,83% kế hoạch⁽⁷⁾. Toàn tỉnh có 880 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 115.367 KW, 100% tàu cá đang hoạt động đã được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình.

Sản xuất công nghiệp tương đối thuận lợi, chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng tăng 27,35%; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 2.887 tỷ đồng⁽⁸⁾, lũy kế 11 tháng đạt 31.996 tỷ đồng, đạt 94,36% kế hoạch⁽⁹⁾. Phát triển mới 27,28 km đường dây trung thế, 11,02km đường dây hạ thế, 306 trạm biến áp; tỷ lệ hộ sử dụng điện đến nay đạt 99,61% tổng số hộ dân toàn tỉnh (*vượt 0,01% kế hoạch*).

Thị trường hàng hóa trong tỉnh phát triển nhân dịp Lễ hội Ok-Om-Bok. Tổ chức Hội chợ Xúc tiến Thương mại, sản phẩm công nghiệp nông thôn và OCOP gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh 2023⁽¹⁰⁾; Chợ khởi nghiệp (*trong Chuỗi sự kiện Hội chợ Ok-Om-Bok năm 2023*)⁽¹¹⁾. Sức mua trong dân tăng khá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong tháng ước đạt 4.879 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng đạt 51.532 tỷ đồng, đạt 98,2% so với kế hoạch⁽¹²⁾, trong đó: (i) Bán lẻ hàng hóa tăng 21,79%; (ii) Lưu trú, ăn uống tăng 14,36%; (iii) dịch vụ khác tăng 17,18% và (iv) du lịch tăng 74,81% cùng kỳ. Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

Thành lập mới 520 doanh nghiệp⁽¹³⁾ đạt 100% kế hoạch, tổng vốn đăng ký 4.684 tỷ đồng; tạm ngừng hoạt động 136 doanh nghiệp; giải thể 99 doanh nghiệp; hoạt động trở lại 68 doanh nghiệp, đăng ký giao dịch qua mạng đạt 99,9%. Thành lập mới 01 HTX⁽¹⁴⁾, lũy kế đến nay thành lập mới 12 HTX (*đạt 120% kế hoạch*), giải thể 15 HTX; nâng tổng số toàn tỉnh hiện có 166 HTX⁽¹⁵⁾ và 01 Liên hiệp HTX lúa gạo đang hoạt động.

1.2 Tình hình đầu tư công

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 4.764,268 tỷ đồng, đến ngày 20/11/2023, giải ngân 2.994,332 tỷ đồng, đạt 62,8% kế hoạch (*cùng kỳ giải ngân 2.588,611/4.262,239 tỷ đồng, đạt 60,7% kế hoạch*)⁽¹⁶⁾. Trong đó: (i) Vốn giao đầu năm giải ngân 2.795,655 tỷ đồng/kế hoạch 4.463,233 tỷ đồng, đạt 62,6% kế hoạch; (ii) Vốn năm 2022 chuyển

⁷ Tăng 5,40% so cùng kỳ năm 2022, tăng 4,97% so cùng kỳ năm 2021, tăng 3,35% so cùng kỳ năm 2020

⁸ Trong đó: (i) Công nghiệp khai khoáng tăng 13,94% so cùng kỳ 2022; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,87%; (iii) Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng, hơi nước tăng 18,14% (tổng sản lượng điện sản xuất đến nay đạt 14,308 tỷ kWh (trong đó nhiệt điện 13,227 tỷ kWh; điện gió, điện mặt trời 1,081 tỷ kWh) đạt 113,41% kế hoạch, tăng 38,57% so với cùng kỳ, tương đương 3,982 tỷ kWh); (iv) Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,79%.

⁹ Tăng 12,50% so cùng kỳ năm 2022, tăng 8,58% so cùng kỳ năm 2021, giảm 4,59% so cùng kỳ năm 2020

¹⁰ Trên 300 gian hàng thu hút hơn 120 đơn vị, doanh nghiệp tham gia, trong đó có 16 đơn vị tỉnh, thành bạn đăng ký, trưng bày sản phẩm.

¹¹ Tổ chức thành khu trưng bày 20 gian hàng, đã vận động được trên 30 đơn vị, với hơn 40 loại sản phẩm tham gia triển lãm giới thiệu tại khu trưng bày.

¹² Tăng 19,85% so cùng kỳ năm 2022, tăng 77,10% so cùng kỳ năm 2021, giảm 63,53% so cùng kỳ năm 2020

¹³ Tăng 45 doanh nghiệp so năm 2022, tăng 187 DN so năm 2021, tăng 100 DN so với năm 2020.

¹⁴ HTX NN Hạnh Phúc (xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang) với 07 thành viên, vốn điều lệ là 300.000.000 đồng.

¹⁵ Trong đó: 121 HTX Nông nghiệp, 29 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng nhân dân với vốn điều lệ 175,582 tỷ đồng với 28.552 thành viên.

¹⁶ Số vốn giải ngân tuyệt đối cao hơn cùng kỳ 405,72 tỷ đồng.

sang năm 2023 giải ngân 68,767 tỷ đồng/kế hoạch 132,22 tỷ đồng, đạt 52%; (iii) Kế hoạch vốn năm 2023 giao bổ sung giải ngân 129,91 tỷ đồng/kế hoạch 168,815 tỷ đồng, đạt 77%.

Tiếp tục triển khai điều chỉnh Quy hoạch Khu Kinh tế Định An đến năm 2040; Tập trung hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, đô thị Tiểu Cần, Càng Long, Cầu Ngang; tiếp tục lập quy hoạch chung thị trấn Càng Long mở rộng, thị trấn Cầu Ngang mở rộng; thực hiện các quy hoạch phân khu đô thị dọc sông Láng Thè, khu vực dự kiến thành lập phường Nguyệt Hóa, phân khu phường 8 mở rộng...

1.3 Tình hình xây dựng hạ tầng

Triển khai Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác, cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng đầu tư Khu Công nghiệp Cổ Chiên; theo dõi hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây⁽¹⁷⁾. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai nhanh chính quyền điện tử; hiện có 13 doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính với tổng số 162 điểm phục vụ⁽¹⁸⁾, 100% xã có điểm phục vụ bưu chính, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng, vận hành 75/106 trang thông tin điện tử xã, phường, thị trấn.

1.4 Tình hình xuất nhập khẩu

Trên địa bàn tỉnh hiện có 30 doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải Quan, giá trị xuất, nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2023 của tỉnh Trà Vinh (số sơ bộ công bố ngày 09/11/2023): Xuất khẩu: 269.051.189 USD⁽¹⁹⁾, nhập khẩu 357.744.652 USD⁽²⁰⁾. Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu 945,259 tỷ đồng, đạt 77,48% dự toán.

1.5. Về nhà ở xã hội

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 02 dự án nhà ở xã hội đang triển khai xây dựng:

- Dự án nhà ở xã hội tại Khu tái định cư, dân cư và dịch vụ thương mại phường 4, thành phố Trà Vinh của Công ty Cổ phần tư vấn Thương mại Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân. Quy mô dự án: khoảng 18 ha, dự định đầu tư khoảng **1.251** căn nhà liên kế (gồm 1.084 căn nhà ở xã hội và 167 căn nhà ở thương mại). Hiện Nhà đầu tư đang triển khai thực hiện dự án (đã xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng **607/1.251** căn).

¹⁷ Đến nay, đầu tư hạ tầng đường nội bộ đạt khoảng 36%, hoàn thành hệ thống thoát nước mưa.

¹⁸ Có 51 bưu cục, 83 điểm Bưu điện - Văn hóa xã và 28 điểm phục vụ hình thức khác.

¹⁹ So cùng kỳ năm 2022 giảm 8,34%; so cùng kỳ năm 2021 tăng 0,36%; so cùng kỳ năm 2020 giảm 9,18%.

²⁰ So cùng kỳ năm 2022 tăng 3,36%; so cùng kỳ năm 2021 giảm 18,73%; so cùng kỳ năm 2020 giảm 51,20%.

- Dự án Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Long Đức của Công ty cổ phần đầu tư phát triển XD-TM xuất nhập khẩu Minh Anh. Quy mô: Khu nhà ở xã hội (09 khối nhà chung cư 5 tầng với 972 căn hộ); Khu nhà ở thương mại (Nhà liên kế 02 tầng số lượng 20 căn; nhà liên kế 3 tầng số lượng 26 căn) và Trường mầm non, siêu thị mini, Trung tâm Hội nghị, nhà hàng và các hạng mục công trình hạ tầng... Hiện nay, Công ty Minh Anh đang triển khai thi công các Block nhà chung cư (block 1, 2, 3, 4), hoàn thiện phần thô của 100/432 căn.

- Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án nhà ở thiết chế của Công đoàn tỉnh Trà Vinh tại Khu Công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh, trên diện tích khoảng 1,05 ha, dự kiến xây dựng khoảng 605 căn hộ (418 căn hộ nhà ở xã hội và 187 căn hộ thương mại)

1.6. Về thị trường bất động sản

Hàng quý, tỉnh Trà Vinh thực hiện công bố thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và của Sở Xây dựng bảo đảm theo đúng quy định. Đã xem xét cho ý kiến **103** căn nhà ở xã hội đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai tại các dự án nhà ở xã hội; đồng thời, xem xét, cho ý kiến **165** hồ sơ đăng ký mua, thuê nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án nhà ở xã hội theo quy định.

1.7 Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, đến ngày 20/11/2023 đã giải ngân 186,459 tỷ đồng/615,825 tỷ đồng, đạt 30,3%, trong đó:

- Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giải ngân 52,065 tỷ đồng/129,449 tỷ đồng, đạt 40,2% kế hoạch, gồm:

+ Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân là 45,480 tỷ đồng/110,283 tỷ đồng, đạt 41,2% kế hoạch;

+ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân là 6,585 tỷ đồng/19,160 tỷ đồng, đạt 34,4% kế hoạch.

- Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giải ngân 11,228 tỷ đồng/79,180 tỷ đồng, đạt 14,2% kế hoạch, gồm:

+ Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân là 9,379 tỷ đồng/56,434 tỷ đồng, đạt 16,6% kế hoạch.

+ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân 1,849 tỷ đồng/22,746 tỷ đồng, đạt 8,1% kế hoạch.

- Vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giải ngân 123,166 tỷ đồng/407,202 tỷ đồng, đạt 30,2% kế hoạch, gồm:

+ Vốn kế hoạch năm 2023 giải ngân 86,531 tỷ đồng/301,879 tỷ đồng, đạt 28,66% kế hoạch.

+ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân 36,635 tỷ đồng/105,323 tỷ đồng, đạt 34,8% kế hoạch.

1.8 Kết quả thực Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ

(1) *Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh:* Kế hoạch năm 2023 giao chính thức thực hiện 03 chương trình⁽²¹⁾ là 235 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến 20/11/2023, có 04 chính sách được tiếp tục giải ngân từ nguồn chuyển tiếp, giao mới và nguồn thu hồi các khoản vay trước với tổng số tiền được giải ngân là 197,17 tỷ đồng cho 5.231 lượt khách hàng vay; có 100 lượt khách hàng hoàn trả các khoản vay với tổng số tiền 2,34 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay đến nay đạt 364,46 tỷ đồng với 9.176 lượt khách hàng, cụ thể như sau:

(i) Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: Trong tháng 11, Trung ương giao bổ sung kế hoạch năm 2023 là 200 tỷ đồng; giải ngân đầu năm đến nay được 159,97 tỷ đồng cho 4.571 lượt khách hàng vay, đạt 79,98% vốn kế hoạch. Dư nợ cho vay 299,97 tỷ đồng với 7.971 lượt khách hàng.

(ii) Chính sách Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập: Trong 11 tháng đầu năm cho 02 khách hàng vay 20 triệu đồng; thu hồi 66 triệu đồng từ 20 khách hàng; dư nợ 1,57 tỷ đồng với 154 khách hàng.

(iii) Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: Kế hoạch vốn năm 2023 là 10 tỷ đồng; trong 11 tháng đầu năm cho 33 khách hàng vay 11,39 tỷ đồng (bao gồm thu hồi 1,39 tỷ đồng) (đạt 100% nguồn vốn); dư nợ 16,33 tỷ đồng với 50 khách hàng vay.

(iv) Chính sách Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Trong 11 tháng đầu năm không phát sinh cho vay; thu nợ 93 triệu đồng; dư nợ 387 triệu đồng với 06 khách hàng.

(v) Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022: Kế hoạch vốn năm 2023 là 25 tỷ đồng; trong 11 tháng đầu năm giải ngân cho 625 lượt khách hàng vay 25,798 tỷ đồng (bao gồm thu hồi 798 triệu đồng từ 77 khách hàng), đạt 100% nguồn vốn; dư nợ 46,20 tỷ đồng với 995 khách hàng.

²¹ (1) Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; (2) Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022

(2) *Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: Đã hỗ trợ 06 khách hàng⁽²²⁾ tiếp cận vốn vay với doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình đạt 16,62 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt 9,79 tỷ đồng (số tiền lãi hỗ trợ là 0,11 tỷ đồng).*

(3) *Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Thủ tướng Chính phủ đã bố trí vốn cho 04 dự án với số vốn 295 tỷ đồng, đến 20/11/2023 giải ngân 241,185 tỷ đồng, đạt 81,8% kế hoạch.*

2. Các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1 Về nhà ở xã hội:

(1) Việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân chưa đạt yêu cầu so với mục tiêu phát triển nhà ở của tỉnh.

Nguyên nhân:

- Chính sách ưu đãi cho chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân chưa nhiều, dẫn đến chưa thu hút được sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở xã hội.

- Chưa có cơ chế riêng để phát triển nhà ở xã hội, các bước thủ tục đầu tư dự án nhà ở xã hội còn phức tạp, ngoài thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, công nhận chủ đầu tư, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, chấp thuận đầu tư, giao đất, tính tiền sử dụng đất, ký quỹ như nhà ở thương mại, các dự án nhà ở xã hội phải thực hiện thẩm định giá bán nhà ở xã hội, xác nhận đối tượng mua, thuê mua nhà ở xã hội...; do đó, các nhà đầu tư chưa tham gia nhiều.

- Cơ cấu nguồn lực cho việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân chưa hợp lý (chủ yếu từ nguồn vốn tín dụng ngân hàng, tiền ứng trước của khách hàng,... vốn chủ đầu tư chỉ chiếm rất ít), chưa có các nguồn vốn trung, dài hạn ổn định, đặc biệt là việc tiếp cận nguồn vốn 120.000 tỷ đồng.

(2) Đối tượng là người lao động tự do có hộ khẩu thường trú tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nhưng hiện nay đang làm việc tự do tại khu vực đô thị trong tỉnh Trà Vinh không được vay ưu đãi mua nhà ở xã hội.

(3) 02 chủ đầu tư²³ nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh đã tiếp cận với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng gồm: Ngân hàng Agribank-CN Trà Vinh, Ngân hàng Vietinbank-CN Trà Vinh, ngân hàng BIDV-CN Trà Vinh và Quỹ đầu tư Phát triển – Chi nhánh Trà Vinh để được hỗ trợ vay vốn gói tín dụng ưu đãi 120.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, 02 chủ đầu tư nêu trên chưa được vay vốn để thực hiện dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.3. Những nội dung vướng mắc khác:

²² Gồm 04 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ lưu trú, ăn uống.

²³ Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng thương mại XNK Minh Anh (Công ty Minh Anh), Công ty Cổ phần TV-TM-DV địa ốc Hoàng Quân (Công ty Hoàng Quân)

- Nghị định số 11/2021-NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hiện nay chưa có quy định về thủ tục ghi nhận tài sản hình thành trên mặt biển.

- Khu vực dự án Nhà máy điện gió Thăng Long, dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải, khu vực quy hoạch dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải 2 và một số khu vực quy hoạch điện gió khác có Luồng Hàng hải Định An - sông Hậu đi ngang qua. Tuy nhiên, do đây là luồng tự nhiên, ranh luồng xác lập không ổn định mà thay đổi theo diễn biến bồi lấp của dòng chảy (được gọi là luồng động), nên thường xuyên phải dịch chuyển phao báo hiệu hàng hải, dẫn đến việc không xác định được vùng biển còn lại dành cho điện gió; đồng thời, cũng không xác định được quy mô, công suất của các dự án điện gió bị ảnh hưởng bởi Luồng Hàng hải Định An - sông Hậu, làm ảnh hưởng rất lớn đến việc mời gọi đầu tư, làm giảm tiềm năng phát triển điện gió gần bờ của tỉnh.

3. Kiến nghị

3.1. Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét trình Chính phủ bổ sung vào Nghị định sửa đổi Nghị định số 11/2021/NĐ-CP: Quy định về thủ tục ghi nhận tài sản hình thành trên mặt biển.

3.2. Đối với dự án “Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh” sử dụng vốn vay ODA của Hàn Quốc, UBND tỉnh đã có Công văn số 4753/UBND-CN XD ngày 23/10/2023 gửi Bộ Tài chính và 4785/UBND-CN XD ngày 25/10/2023 gửi Văn phòng Chính phủ, kiến nghị Đoàn công tác tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ sớm tham mưu Thủ tướng Chính phủ gia hạn Hiệp định vay cho dự án, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ gia hạn thời gian bố trí vốn và đủ điều kiện bố trí vốn thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án, tránh phát sinh nợ đọng.

(Đính kèm một số kiến nghị theo phụ lục)

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2023 và một số khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của tỉnh Trà Vinh gửi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng BGDĐT Nguyễn Kim Sơn;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ.VPUBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư;
- Lưu:VT, THNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

